

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST
Ngày 16-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm
- Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 52/2023/TLST-KDTM ngày 25/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-KDTM ngày 01/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐHPT-KDTM ngày 27/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH MTV P; địa chỉ trụ sở: Tầng A, tầng 10 và tầng 11, Tòa nhà Hanoi T, số B N, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Quang S, chức vụ: Giám đốc; Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TNHH MTV P1 – Chi nhánh B, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 93/2023/CASD-HO/BD ngày 12/7/2023). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Đ; địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 4821, tờ bản đồ số 34, khu T, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Phụ T, sinh năm 1971, địa chỉ: Khu phố D, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Phụ T, sinh năm 1971, địa chỉ: Khu phố D, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn do ông **Trương Quang S** đại diện trình bày:

Ngân hàng TNHH MTV P1 (gọi tắt **Ngân hàng P1**) có ký Hợp đồng tín dụng số BDG/000371/20 ngày 24/11/2020 với **Công ty TNHH Đ** (gọi tắt **công ty Đ**) hạn mức là 472.000.000 đồng để tài trợ mua ô tô. Khoản vay được giải ngân vào ngày 03/12/2020 theo Khế ước số 060-9-55-00-20102 với số tiền 472.000.000 đồng. Hình thức hoàn trả số tiền vay là trả vào ngày 10 hàng tháng một khoản tiền gốc bằng nhau là 7.900.000 đồng trong vòng 60 tháng (có điều chỉnh ở lần trả cuối cùng nếu cần thiết), bắt đầu sau 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Hình thức bảo đảm là **Công ty TNHH Đ** thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: CERATO, màu xanh - B4U, 5 chỗ, biển số 61A-856.38 chủ sở hữu là **Công ty TNHH Đ** theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 141673 do **Phòng C Công an tỉnh B** cấp ngày 03/12/2020.

Ngoài việc thế chấp nêu trên thì ông **Bùi Phụ T** có thư bảo lãnh ngày 26/11/2020 với nội dung: "Trường hợp Bên vay không trả được toàn bộ hoặc một phần khoản nợ được bảo lãnh ở trên khi đến hạn, tôi đồng ý và cam kết với bên cho vay, những người kế tục và người thừa hưởng quyền lợi của bên cho vay rằng tôi sẽ thanh toán ngay, không cần chờ đến yêu cầu hay thông báo của bên cho vay, các khoản tiền gốc, tiền lãi, tiền phạt và tất cả các khoản phí mà bên cho vay có thể phải chi trong quá trình thu bất kỳ hoặc toàn bộ số nợ".

Từ năm 2021 **Công ty Đ** chậm thanh toán tiền gốc và tiền lãi dẫn đến bị chuyển nhóm nợ chú ý từ ngày 19/7/2021. **Ngân hàng P1** đã nhiều lần nhắc nhở với **Công ty Đ** đúng đúng lịch trình thanh toán vào ngày 10 hàng tháng và cũng nhận được nhiều sự cam kết sẽ thanh toán nhưng **Công ty Đ** không thực hiện dẫn đến bị chuyển nhóm nợ xấu - nhóm 3 ngày 10/3/2022 và nhóm nợ xấu nhóm 4 ngày 06/9/2022, nhóm 5 ngày 05/3/2023. Phía người bảo lãnh của **Công ty Đ** là ông **Bùi Phụ T** (đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty) cũng không có động thái nào liên quan đến việc thanh toán khoản vay. Tính đến thời điểm hiện nay **Công ty Đ** chỉ thanh toán được 110.600.000 đồng tiền gốc và 41.787.973 đồng tiền lãi. Các khoản tiền gốc, tiền lãi còn lại, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn và tiền lãi trên lãi quá hạn **Công ty Đ** chưa thanh toán cho **Ngân hàng P1**.

Do đó, **Ngân hàng TNHH MTV P1** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc **Công ty TNHH Đ** phải thanh toán cho **Ngân hàng TNHH MTV P1** tổng số tiền là 462.446.456 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 361.400.000 đồng, nợ lãi là 82.322.830 đồng, lãi phạt trên gốc quá hạn là 11.034.224 đồng, lãi phạt trên lãi quá hạn là 7.689.402 đồng).

- Trường hợp **Công ty TNHH Đ** không thanh toán thì phát mãi tài sản thế chấp là: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: CERATO, số khung

RNYBD42A6LC193765, số máy G4NALH155444, biển số 61A-856.38, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 141673 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 03/12/2020 cho Công ty TNHH Đ để trả nợ vay.

- Trường hợp Công ty TNHH Đ không thanh toán nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TNHH MTV P1 và việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông Bùi Phụ T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

** Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV P1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV P1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình nên Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo trình bày, yêu cầu và chứng cứ của nguyên đơn thì nội dung tranh chấp giữa các đương sự như sau: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng số BDG/000371/20 ngày 24/11/2020 hạn mức 472.000.000 đồng để tài trợ mua ô tô. Khoản vay được giải ngân vào ngày 03/12/2020 theo Khế

ước số 060-9-55-00-20102 với số tiền 472.000.000 đồng. Hình thức hoàn trả số tiền vay là trả vào ngày 10 hàng tháng một khoản tiền gốc bằng nhau là 7.900.000 đồng trong vòng 60 tháng (có điều chỉnh ở lần trả cuối cùng nếu cần thiết), bắt đầu sau 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Để đảm bảo cho khoản vay trên, hai bên thống nhất sử dụng tài sản bảo đảm để thế chấp gồm: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: CERATO, số khung RNYBD42A6LC193765, số máy G4NALH155444, biển số 61A-856.38, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 141673 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 03/12/2020 cho Công ty TNHH Đ. Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng theo quy định và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 03/12/2020 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng. Ngoài ra, ông Bùi Phú T cũng ký thư bảo lãnh ngày 26/11/2020 cho bị đơn. Tính đến thời điểm ngày 16/4/2024, tổng số tiền gốc bị đơn đã thanh toán 110.600.000 tiền gốc và 41.787.973 đồng tiền lãi; bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 361.400.000 đồng, nợ lãi là 82.322.830 đồng, lãi phạt trên gốc quá hạn là 11.034.224 đồng, lãi phạt trên lãi quá hạn là 7.689.402 đồng, tổng cộng là 462.446.456 đồng. Như vậy, trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp.

[2.2] Về quyền yêu cầu trả nợ: Theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc còn lại, tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả lãi là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N.

[2.3] Về quyền phát mãi tài sản: Để bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng, bị đơn có dùng tài sản là 01 chiếc xe ô tô để thế chấp. Việc thế chấp, nhận thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm được các đương sự thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm: 01 Xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: CERATO, số khung 42A6LC193765, số máy G4NALH155444, biển số 61A-856.38, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 141673 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 03/12/2020.

[2.4] Đối với nghĩa vụ của người bảo lãnh: Theo thư bảo lãnh ngày 26/11/2020, ông Bùi Phú T đồng ý và cam kết với bên cho vay, những người kế tục và người thừa hưởng quyền lợi của bên cho vay rằng ông T sẽ thanh toán ngay, không cần chờ đến yêu cầu hay thông báo của bên cho vay, các khoản tiền gốc, tiền lãi, tiền phạt và tất cả các khoản phí mà bên cho vay có thể phải chi trong quá trình thu bất kỳ hoặc toàn bộ số nợ cho khoản vay của bị đơn tại ngân hàng. Do đó, trường hợp bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn và việc phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì ông Bùi Phú T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo thư bảo lãnh đã ký.

[2.5] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 16/4/2024 là 462.446.456 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 361.400.000 đồng, nợ lãi là 82.322.830 đồng, lãi phạt trên gốc quá hạn là 11.034.224 đồng, lãi phạt trên lãi quá hạn là 7.689.402 đồng).

Kể từ ngày 17/4/2024 cho đến khi trả hết nợ, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc thực tế còn lại theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức, khế ước nhận nợ đã ký. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: CERATO, số khung RNYBD42A6LC193765, số máy G4NALH155444, biển số 61A-856.38, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 141673 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 03/12/2020 cho Công ty TNHH D.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ, việc phát mãi tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho nguyên đơn thì ông Bùi Phụ T có nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn toàn bộ số nợ gốc và lãi của bị đơn theo thư bảo lãnh đã ký với nguyên đơn.

[2.6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 335, 336, 339, 340, 342, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban 7 Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TNHH MTV P1** đối với bị đơn **Công ty TNHH Đ** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc **Công ty TNHH Đ** phải trả cho **Ngân hàng TNHH MTV P1** số tiền 462.446.456 (bốn trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi sáu ngàn, bốn trăm năm mươi sáu) đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 361.400.000 đồng, nợ lãi là 82.322.830 đồng, lãi phạt trên gốc quá hạn là 11.034.224 đồng, lãi phạt trên lãi quá hạn là 7.689.402 đồng).

Kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2024 trở đi, **Công ty TNHH Đ** còn phải trả cho **Ngân hàng TNHH MTV P1** các khoản tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc thực tế còn lại theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp **Công ty TNHH Đ** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ cho **Ngân hàng TNHH MTV P1** thì **Ngân hàng TNHH MTV P1** có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phát mãi tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe số HĐTC-BDG/000371/20 ngày 26/11/2020 để thu hồi nợ, bao gồm: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: CERATO, số khung RNYBD42A6LC193765, số máy G4NALH155444, biển số 61A-856.38, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 141673 do **Phòng C Công an tỉnh B** cấp ngày 03/12/2020 cho **Công ty TNHH Đ**.

Trường hợp **Công ty TNHH Đ** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ cho **Ngân hàng TNHH MTV P1** và việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông **Bùi Phụ T** có nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn toàn bộ số nợ gốc và lãi của bị đơn theo thư bảo lãnh đã ký với **Ngân hàng TNHH MTV P1**.

2. Về án phí:

- **Công ty TNHH Đ** phải chịu 22.497.858 (hai mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi bảy ngàn, tám trăm năm mươi tám) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TNHH MTV P1** số tiền 10.689.352 (mười triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn, ba trăm năm mươi hai) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012419 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);

**HÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

- VKSND thị xã Bến Cát (01);
- CCTHADS thị xã Bến Cát (01);
- Đương sự (03);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Quang Bảo

